

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-02-2026

*V/v: Tranh chấp về con chung và xác nhận cha
cho con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Sự
Ông Hoàng Văn Bốn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 -
Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên
Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số
329/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22/12/2025 về việc: Tranh chấp về con chung và xác
nhận cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ
ngày 26/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày
11/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Lê Nghĩa Q, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn L1, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn G, xã T1, tỉnh Bắc Ninh.

*(Chị N, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt lần 2 không có lý
do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án
như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Lê Nghĩa Q kết hôn với nhau từ năm
2014, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang vào ngày
01/12/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết

hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại thôn L1, xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 4/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng T, xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Nh đến tuổi trưởng T và giao cháu Trần Thị Ngọc H cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Nh cùng chị.

- *Về tài sản, đất đai, vay nợ chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị N kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/12/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại thôn L1, xã T, huyện H1, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến tháng 4/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng với chị N đã đến mức độ trầm trọng nên nhất trí ly hôn để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc H đến tuổi trưởng T và giao cháu Trần Minh Nh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng anh.

- *Về tài sản, đất đai, vay nợ chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung; không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 22/3/2023 của Toà án nhân dân huyện H1, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Giao cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 cho anh Trần Lê Nghĩa Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Trần Thị N và anh Trần Lê Nghĩa Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, chị N và anh Nguyễn Ngọc T đã kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T1, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 12/7/2024 chị N và anh T đã đi làm thủ tục giám định ADN giữa anh T và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Kết quả là anh T và cháu Nh có quan hệ huyết thống bố con theo Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền – Gentis. Vì vậy chị N đã làm đơn đề nghị tái thẩm đối với bản án số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Tuyên Quang về con chung.

Ngày 26/9/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định kháng nghị tái thẩm số 06/QĐ-VKS-HNGĐ kháng nghị một phần bản án số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Tuyên Quang về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ngày 10/12/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang có Quyết định rút một phần Quyết định kháng nghị tái thẩm số 01/QĐ-VKS-HNGĐ với nội dung: Rút một phần Quyết định kháng nghị tái thẩm số 06/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 26/9/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đối với bản án số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Tuyên Quang về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 11/12/2025, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định tái thẩm số 02/2025/HNGĐ-TT với nội dung:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 06/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 26/9/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang về đề nghị huỷ một phần Bản án sơ thẩm số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) về phần con chung.

2. Huỷ một phần Bản án sơ thẩm số 67/2023/HNGĐ-ST ngày 22/3/2023 của Toà án nhân dân huyện H1, tỉnh Tuyên Quang (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) về phần con chung trong vụ án “Hôn nhân gia đình” giữa nguyên đơn chị Trần Thị N và bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang giải quyết sơ thẩm lại phần con chung theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2025 chị N làm đơn khởi kiện về việc xác nhận cha cho con đối với cháu Trần Minh Nh. Ngày 22/12/2025 Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang thụ lý lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm về phần con chung và xác định cha cho con.

Quá trình giải quyết lại vụ án chị N trình bày: Chị và anh Trần Lê Nghĩa Q trước đây là vợ chồng. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh Nêu mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được nên đã ly hôn. Tại Bản án số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 của Toà án nhân dân huyện H1 (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) có xử cho chị và anh Q ly hôn. Về con chung, chị và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 và Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Toà án xử cho chị được nuôi cháu Trần Minh Nh, còn cháu Trần Thị Ngọc H do anh Q nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn với anh Q, chị và anh Nguyễn Ngọc T đã kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 22/5/2023 của UBND xã P, huyện T1 (nay là xã T1), tỉnh Bắc Ninh. Chị và anh T xác định cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 là con chung của anh chị, anh chị cũng đi làm thủ tục giám định ADN với kết quả anh T và cháu Nh có quan hệ huyết thống bố con. Tuy nhiên cháu Nh lại được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Q và trong Bản án số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 đã xác định cháu Nh là con chung của chị và anh Q. Chị cũng đã làm thủ tục tái thẩm đối với Bản án nêu trên và đã có Quyết định tái thẩm của TAND tỉnh Tuyên Quang, huỷ về phần con chung. Vì vậy chị đề nghị Toà án xác định anh Nguyễn Ngọc T là bố đẻ của cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị N theo chứng nhận kết hôn số 60 ngày 22/5/2023 của UBND xã P, huyện T1(nay là xã T1), tỉnh Bắc Ninh. Trước đó chị N có một người chồng là anh Trần Lê Nghĩa Q. Tuy Nêu chị N và anh Q ly thân nhau khoảng 5 năm nay. Trong thời gian đó, anh và chị N đã quan hệ và có con chung là cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Anh chị đã đi làm thủ tục xét nghiệm ADN và có kết quả anh và cháu Nh có quan hệ huyết thống bố con. Vì vậy anh đề nghị Toà án xác nhận cháu Nh là con chung của anh và chị N, anh là bố đẻ của cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Lê Nghĩa Q không đến Toà án để làm việc. Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương với ông Lâm Tiến D - trưởng thôn L1, xã T, tỉnh Tuyên Quang và với ông Trần Hải L3 – là bố đẻ của anh Q, kết quả thể hiện: Anh Trần Lê Nghĩa Q, sinh năm 1990 là công dân có nơi thường trú tại thôn L1, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q là con của ông Trần Hải L3, sinh năm 1963 và bà Nông Thị H1, sinh năm 1967. Tuy nhiên anh Q đi làm ở huyện Lâm Bình cũ, thi thoảng có mặt ở địa phương về thăm con gái và gia đình. Anh Q trước đây có vợ là chị Trần Thị N. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Tuy Nên khi sinh cháu Nh, giữa chị N và anh Q đã có mâu thuẫn nên chị N đã làm thủ tục ly hôn với anh Q. Nguyên nhân là do trong thời gian chị N đi làm công nhân xa nhà, đã sinh cháu Nh. Khi ly hôn thì cháu Hân ở với anh Q và ông bà nội ở thôn L1, xã T còn cháu Nh ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N có làm thủ tục xét nghiệm AND và kết quả là cháu Nh không phải là con đẻ của anh Q. Như vậy giữa anh Q và chị N chỉ có 01 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015. Nay chị N làm đơn xác nhận cha cho con đối với cháu Trần Minh Nh, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Q mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84, 88, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận Nệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Xác định cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 là con chung của chị Trần Thị N và anh Trần Lê Nghĩa Q. Tiếp tục giao cháu Hân cho anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Xác định cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 là con chung của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc T. Anh Nguyễn Ngọc T là bố đẻ của cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Lê Nghĩa Q. Tại Bản án số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H1 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) có xử cho chị N và anh Q ly hôn. Tại Quyết định tái thẩm số 02/2025/HNGĐ-TT ngày 11/12/2025 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã huỷ một phần Bản án nêu trên về phần con chung và “Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang giải quyết sơ thẩm lại phần con chung theo đúng quy định của pháp luật”. Đồng thời 18/12/2025 chị N làm đơn khởi kiện về việc xác nhận cha cho con đối với cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là Tranh chấp về con chung và xác định cha cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Q không đến Tòa án để làm việc. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và về con chung, con riêng của các đương sự cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh Q không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án đã xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị N và anh Q có 02 con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 và cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Tại Bản án số 67/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện H1 (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang) đã xử về phần con chung, giao cháu Nh cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu H cho do anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, chị N và anh Nguyễn Ngọc T đã kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T1, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 12/7/2024 chị N và anh T đã đi làm thủ tục giám định ADN giữa anh T và cháu Nh. Kết quả là anh T và cháu Nh có quan hệ huyết thống bố con theo Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 12/7/2024 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền – Gentis.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T đều thừa nhận, anh chị có với nhau 01 người con chung, tên là Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN nêu trên kết luận anh T và cháu Nh có mối quan hệ huyết thống cha – con. Mặt khác gia đình anh Q cũng xác định giữa anh Q và chị N chỉ có 01 người con chung là cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015. Hiện cháu H đang ở cùng với anh Q và ông bà nội ở thôn L1, xã T. Còn đối với cháu Nh được chị N sinh ra trong thời gian chị đi làm công nhân xa nhà, không phải là con chung của chị N và anh Q.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, Phiếu kết quả phân tích ADN và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở khẳng định:

- Cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 là con chung của chị Trần Thị N và anh Trần Lê Nghĩa Q. Tiếp tục giao cháu Hân cho anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 là con chung của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc T. Anh Nguyễn Ngọc T là bố đẻ của cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 84, 88, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận Nệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tuyên xử:

1. Về con chung: Xác định cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2015 là con chung của chị Trần Thị N và anh Trần Lê Nghĩa Q. Tiếp tục giao cháu H cho anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về con riêng: Xác định cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022 là con chung của chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc T. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/4/1994, số căn cước công dân 027094006912, địa chỉ: Thôn G, xã T1, tỉnh Bắc Ninh là bố đẻ của cháu Trần Minh Nh, sinh ngày 19/9/2022.

Các đương sự có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch và thực hiện các quyền về lý lịch tư pháp cho cháu Nh theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Ngọc

